

Số: 23/KH-THCS

Hàm Chính, ngày 06 tháng 8 năm 2020

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Phát triển Trường THCS Hàm Chính
Giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Trường THCS Hàm Chính được thành lập năm 1995 theo Quyết định số 1088/QĐ-UBND, ngày 04/07/1995 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Trường được xây dựng trên địa bàn thôn Bình Lâm, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Tổng diện tích của nhà trường là 8,982,4 m². Đến nay, trải qua gần 25 năm phấn đấu trưởng thành, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn đoàn kết một lòng hoàn thành tốt sứ mệnh lịch sử “trồng người” lớn lao mà Đảng và Nhà nước giao phó, là địa chỉ tin cậy của các bậc cha mẹ học sinh.

Cùng với sự cố gắng nỗ lực của thầy và trò, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp các ngành, chính quyền địa phương, năm học 2015-2016 nhà trường vinh dự được đón nhận danh hiệu trường đạt chuẩn Quốc gia. Nhà trường đã, đang ngày càng khẳng định vị thế và uy tín trước các cấp lãnh đạo và nhân dân.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của Trường THCS Hàm Chính là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước về đổi mới giáo dục phổ thông. Cùng các trường THCS trong huyện xây dựng ngành giáo dục của huyện nhà phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước khu vực và thế giới.

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Số liệu:

1/ Học sinh

Khối	Số lớp	Học sinh			Số HS tuyển mới	Số HS lưu ban	HS Diện Chính sách	Số HS khuyết tật Học hòa nhập	HS Khó khăn
		Tổng	Nữ	Dân tộc					
6	7	231	137	1	231		12		4
7	7	230	115				7		7
8	6	233	117				14		4

9	6	197	94				9	1	5
Cộng	26	891	463	1	232		42	1	20

2. Giáo viên

TT	Bộ môn	Giáo viên		Đảng viên	Số giáo viên					
					Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	9	8	2	9			9		
2	Văn	6	5	4	6			5	1	
3	Ngoại ngữ	7	5		7			6	1	
4	Lý	3	3	0	3			3		
5	Hóa	1	1		1			1		
6	Sinh	3	2	1	3			2	1	
7	Sử	4	4	2	4			3	1	
8	Địa	2	2	1	2			2		
9	GDCD	4	4		4			4		
10	Công nghệ	1	1		1			1		
11	Nhạc	2	2	1	2				2	
12	Thể dục	3			3			3		
13	Tin học	1	1		1			1		
14	MT	3	2		3			1	2	

3. Cán bộ quản lý – Chuyên trách - Nhân viên

TT	Bộ phận	Số lượng		Đảng viên	Số nhân viên					
					Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng	Trình độ			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Lãnh đạo (BGH)	3	1	3						
2	CTPC	1		1					1	
2	TLTN (TPT)	1	1	1	1			1		
3	Kế toán	1	1		1			1		
4	Thủ quỹ									
5	Thư viện	1	1		1					
6	TB-THTN	1	1		1					1
7	Văn thư	1	1		1					1
8	Y tế	1	1			1				1

9	Bảo vệ	1				1				
	Tổng số	11	7	5	5	2		2	1	4

II. Cơ sở vật chất.

Diện tích trường	Số phòng bộ môn	Số phòng học	Phòng học vi tính		Diện tích nhà ăn	Diện tích khu bán trú
			Số phòng	Số máy		
(m ²)	(L,H,S)				(m ²)	(m ²)
8.982,4	3	16	1	30		

- Phòng Y tế: 1
- Phòng Tư vấn tâm lý: 0
- Phòng Hỗ trợ học sinh hòa nhập: 0
- Nhà đa năng: 0
- Hồ bơi: (kiên cố hay lắp ghép) 0
- Trang thiết bị dạy học:
 - + Bảng tương tác: 1
 - + Máy chiếu : 2
 - + Ti vi: 7
 - + Thư viện điện tử: 0
 - + Phòng Hội Đồng: 01
 - + Phòng Tổ bộ môn: 01
 - + Phòng Đoàn thể: 01
 - + Phòng Đoàn đội+ Truyền thông: 01
 - + Phòng Hiệu trưởng: 01
 - + Phòng P. Hiệu trưởng: 02
 - + Phòng học thông minh: 01
 - + Phòng thư viện: 01
 - + Phòng Thiết bị: 01
 - + Văn phòng: 01

IV. Chất lượng dạy và học

Trong năm học 2019 – 2020, nhà trường đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

+ Về Học sinh

Học lực: Loại giỏi 152/900, tỷ lệ 16,9%; loại khá 270/900, tỷ lệ 30,0%, loại trung bình 464/900, tỷ lệ 51,5%; loại yếu 14/900, tỷ lệ 1,6%; Học lực từ trung bình trở lên 886/900, tỷ lệ 98,4% (sau kiểm tra lại)

Hạnh kiểm: Loại tốt: 472/900, tỷ lệ 52,4%; loại khá 358/900, tỷ lệ 39,8%, loại trung bình 70/900, tỷ lệ 7,8%; Hạnh kiểm khá – tốt: 830/900, tỉ lệ:92,2%.

Kết quả thi HSG các cấp: 3 HS đạt giải HSG Lê Quý Đôn.

+ Về CB - GV:

- Xếp loại Chuẩn nghề nghiệp:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: 3 Khá

Giáo viên: 1 Xuất sắc; 52 Khá.

- GVĐG cấp trường: 16 giáo viên;

- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 4; Lao động tiên tiến: 56

- Danh hiệu Trường: Tập thể lao động tiên tiến.

V. Thuận lợi – Thời cơ.

- Phòng GD&ĐT phổ biến và chỉ đạo kịp thời các chủ trương, hướng dẫn của ngành, tạo điều kiện rất tốt cho trường hoạt động;

- Đảng ủy, UBND xã Hàm Chính rất quan tâm đến công tác giáo dục, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của trường. Ban đại diện CMHS, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường luôn có sự phối hợp vận động học sinh, hỗ trợ tích cực cho công tác dạy và học của trường.

- Tập thể CB-GV-NV đa số trẻ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, sẵn sàng nhận nhiệm vụ và có trách nhiệm cao trong công việc được giao.

- Ý thức tự học để nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên rất tốt, hiện có 44/60 CC,VC có trình độ đại học.

- Đa số học sinh ngoan, hiền, lễ phép, có nhiều nỗ lực trong học tập.

- Cơ sở vật chất đáp ứng công tác dạy học của cán bộ giáo viên và nhân viên.

- Trường có chi bộ sinh hoạt độc lập với 19 đảng viên.

VI. Khó khăn - Thách thức.

- Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn, thu nhập của một bộ phận phụ huynh còn thấp, do đó việc tạo điều kiện cho con em học tập gặp nhiều khó khăn, dẫn đến bỏ học giữa chừng;

- Một số giáo viên có hoàn cảnh khó khăn, nhất là những giáo viên có con nhỏ - phần nào ảnh hưởng đến những công việc chung của nhà trường;

- Học lực của học sinh nhìn chung chưa theo kịp với sự đổi mới của chương trình, khả năng tư duy, vận dụng, sáng tạo còn hạn chế.

B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Xác định các vấn đề ưu tiên giải quyết trong giai đoạn tiếp theo.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Ứng dụng CNTT trong dạy, học và công tác quản lý.
- Đánh giá các hoạt động của nhà trường dựa trên các chuẩn và tiêu chí đánh giá của Bộ GD&ĐT về công tác quản lý, giảng dạy.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2030 xây dựng Trường THCS Hàm Chính sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng cao của ngành giáo dục huyện Hàm Thuận Bắc. Là một trung tâm văn hóa, giáo dục nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào học tập, rèn luyện để trở thành công dân tốt của nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

3. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, kỷ cương, chất lượng cao để học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống và khả năng tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

C. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu ngắn hạn:

Năm học 2020-2021: nhà trường được đoàn đánh giá ngoài công nhận kiểm định CLGD mức độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Duy trì chuẩn PCGD mức độ 2. Danh hiệu thi đua: Tập thể lao động xuất sắc.

Năm học 2021-2022: củng cố, duy trì các thành tích đạt được

Năm học 2022-2023: củng cố, duy trì các thành tích đạt được

- Mục tiêu trung hạn:

Năm học 2023-2024: củng cố, duy trì các thành tích đạt được

Năm học 2024-2025: củng cố và duy trì các thành tích đạt được; công nhận đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3; Danh hiệu thi đua: Tập thể lao động xuất sắc.

Tầm nhìn đến năm 2030 phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

- Chất lượng giáo dục được khẳng định.
- Nâng mức độ trường Chuẩn quốc gia.
- Đến năm 2030 trở thành một trong những trường điển hình về chất lượng toàn diện của khối THCS trong huyện.

2. Chỉ tiêu.

2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên.

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80%.

- 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp ở mức độ Xuất sắc và Khá.

- Có 100% giáo viên có trình độ Đại học, sử dụng tốt mạng Internet, khai thác thông tin phục vụ công tác giảng dạy.

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng đạt ở mức Tốt.

2.2. Học sinh

- Quy mô:

+ Lớp học: 26 - 28 lớp.

+ Học sinh: 900 -1000 học sinh.

- Chất lượng học tập:

+ Trên 50% học lực khá, giỏi (15% học lực giỏi trở lên)

+ Tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%, lưu ban không quá 2 %.

+ Thi học sinh giỏi Huyện các khối lớp: 60%-70% số HS dự thi đạt giải.

+ Có 3 đến 5 học sinh đạt giải cấp Tỉnh/ năm.

- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống.

+ Xếp loại hạnh kiểm: 90% trở lên hạnh kiểm khá, tốt. Không có học sinh hạnh kiểm yếu.

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực, tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện.

2.3. Cơ sở vật chất.

- Đủ phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ, các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Các phòng Tin học, phòng bộ môn được nâng cấp theo hướng ngày càng hiện đại. Xây dựng phòng tập đa năng, mỗi lớp học có 1 màn hình ti vi và lắp camera.

- Xây dựng môi trường sư phạm “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”

3. Phương châm hành động

“Chất lượng giáo dục là uy tín, danh dự của nhà trường”

D. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

1. Giải pháp chung.

- Tuyên truyền trong CBGV, NV, học sinh, Ban đại diện CMHS, cán bộ và nhân dân trong xã về nội dung kế hoạch chiến lược trên mọi phương tiện thông tin đại chúng, lấy ý kiến để thống nhất nhận thức và hành động của toàn thể CBGV, NV trong trường.

- Xây dựng khối đoàn kết nhất trí cùng nhau cộng đồng trách nhiệm, hoàn thành thắng lợi mục tiêu của kế hoạch chiến lược.
- Xây dựng văn hoá nhà trường hướng tới các giá trị cốt lõi đã nêu trên.
- Làm tốt hơn nữa công tác Xã hội hoá giáo dục nhằm thu hút nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục.

2. Giải pháp cụ thể.

2.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá.

- Thực hiện tốt việc tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường.

2.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác; có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Có kế hoạch bồi dưỡng thông qua việc chỉ đạo có hiệu quả các hoạt động của tổ chuyên môn. Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán, có năng lực để xây dựng nguồn cán bộ chủ chốt trong nhà trường.

- Đánh giá chất lượng đội ngũ thường xuyên, chính xác trên cơ sở đó động viên khen thưởng kịp thời những CB, GV, NV có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục.

- Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

Tích cực tham mưu với địa phương, làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học.

2.4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

- Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, tiến tới xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học.

- Động viên CB, GV, NV tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được máy tính phục vụ cho công việc, vận động CB, GV, NV mua sắm máy tính cá nhân phục vụ công tác giảng dạy.

2.5. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục.

- Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường.

+ Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

Ngoài ngân sách: sự ủng hộ của các tổ chức XH, các doanh nghiệp, cha mẹ học sinh.

+ Nguồn lực vật chất:

Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ. Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy học.

2.6. Chương trình truyền thông, xây dựng thương hiệu

- Phát huy truyền thống nhà trường, khơi dậy niềm tự hào, tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên trong việc xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với Nhà trường.

- Xác lập tín nhiệm, thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

IV. TỔ CHỨC THEO DÕI, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược: Kế hoạch chiến lược được phổ biến công khai tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan chủ quản, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức, cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Tổ chức: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Vai trò của các lực lượng tham gia:

3.1. Đối với Hiệu trưởng: Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch trong từng giai đoạn.

3.2. Đối với các Phó Hiệu trưởng: Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

3.3. Đối với tổ trưởng chuyên môn: Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

3.4. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên: Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

3.5. Đối với học sinh: Tích cực học tập, rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống thông qua các hoạt động giáo dục để đáp ứng tốt các yêu cầu xã hội sau khi tốt nghiệp THCS.

3.6. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

+ Tăng cường giáo dục đèn tùng CMHS, phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường và các lực lượng giáo dục khác trong việc giáo dục học sinh.

+ Hỗ trợ tài chính, nhân lực, vật lực, cùng với nhà trường tuyên truyền, vận động các bậc phụ huynh, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm góp phần thực hiện mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

3.7. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện của tổ chức, đoàn thể mình trong việc tham gia thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.

+ Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

4. Kiến nghị với các cơ quan

- Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện

+ Phê duyệt và tạo điều kiện tốt cho nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược.

+ Hỗ trợ, hướng dẫn về cơ chế chính sách, giúp nhà trường về công tác tham mưu với UBND huyện để được ưu tiên về mặt tài chính, nhân lực nhằm thực hiện các mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

- Đối với chính quyền địa phương

+ Hỗ trợ tài chính hoạt động, nguồn nhân lực và đầu tư xây dựng CSVC nhà trường theo hướng chuẩn hoá, hiện đại./.

Nơi nhận:

- UBND xã (báo cáo)
- Phòng GD (báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (chỉ đạo);
- Các tổ chuyên môn (để thực hiện)
- Lưu: VT.



Ngô Văn Hiến

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ HÀM CHÍNH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Sở Thành Tâm

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC

TRƯỞNG PHÒNG



DƯƠNG VĂN DÔNG

